|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên đề XVII** | **LIÊN TỪ****CONJUNCTIONS** |

**LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM**

Liên từ là từ hoặc cụm từ được sử dụng để liên kết từ 2 từ, cụm từ, mệnh đề lại với nhau nhằm tạo sự liên kết hoặc cấu trúc câu hoàn chỉnh.

**1. Liên từ kết hợp**

Dùng để liên kết các từ, cụm từ, mệnh đề có cùng chức năng ngữ pháp (nối danh từ với danh từ, tính từ với tính từ,...). Các liên từ kết hợp thường được viết tắt là FANBOYS (for, and, nor, but, or, yet, so)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Liên từ** | **Nghĩa** | **Ví dụ** |
| **For** | vì | *I hit the gym every weekend, for they discount the price.* |
| **And** | và | *She has one daughter and two sons.* |
| **Nor** | cũng không | *Linda was not happy, nor was she upset.* |
| **But** | nhưng | *I want to eat Italian food, but my husband wants Chinese* |
| **Or** | hoặc | *Would you like a cup of tea or coffee?* |
| **Yet** | nhưng | *They like apples, yet they don’t like oranges.* |
| **So** | nên | *You must get up early tomorrow, so don't stay up late.* |

Một số liên từ kết hợp như for, yet thường được dùng trong văn phong trang trọng hơn là lối nói thường ngày.

2. Liên từ tương quan

Là những liên từ thường đi theo cặp và nối những từ, cụm từ, mệnh đề có cùng chức năng ngữ pháp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Liên từ** | **Nghĩa** | **Ví dụ** |
| Both... and | Cả ... và ... (cả hai đều) | *He is both smart and hard-working* |
| Either... or | Hoặc... hoặc ... (một trong hai) | *You can sit either on this side or on the other.* |
| Neither... nor | Cả... và .... đều không (cả hai đều không) | *Neither cats nor dogs like chocolate.* |
| Not only ... but also | Không những ... mà còn | *She can not only dance but also sing so well.* |

3. Liên từ phụ thuộc

Là liên từ thường đứng trước từ, cụm từ, mệnh đề phụ thuộc và nối chúng với mệnh đề chính của câu.

|  |  |
| --- | --- |
| **Liên từ** | **Nghĩa** |
| Before | Trước |
| After | Sau |
| As soon as | Ngay sau khi |
| When | Khi |
| While | Trong khi |
| Until | Cho đến khi |
| Although/Though/Even though + S + V, S + V (= In spite of/Despite + N/V-ing, S + V) | Mặc dù |
| \* However/Nevertheless | Tuy nhiên |
| \* Therefore/as a result/consequently | Vì vậy |
| Because/Since/As + S + V, S + V (= Because of/Due to/ Owing to + N/V-ing, S + V) | Bởi vì |
| So that/In order that + S+ V, S + V (so as to/in order to + V, S + V) | Để |
| As long as | Miễn là |
| In case + S + V, S + V = (In case of + N/V-ing, S +v | Trong trường họp/ phòng khi |
| \* Instead (= Instead of + N/V-ing) | Thay vì |
| Unless | Trừ khi |
| Only if | Chỉ khi |
| Even if | Kể cả khi |
| \* Besides/Additionally/In addition / Moreover / Futhermore | Bên cạnh đó/thêm vào đó |
| \*Otherwise/Or else | Nếu không thì |

★ Lưu ý: Những từ có dấu \* (và những từ cùng nhóm với nó trong bảng trên) là trạng từ liên kết. Khi đứng ở đầu câu, nó sẽ được ngăn cách với mệnh đề bằng dấu phẩy; khi đứng ở giữa câu, nó sẽ đứng sau dấu chấm phẩy và theo sau bởi dấu phẩy.

**Ví dụ:**

+ The homework was so difficult. However, they completed it ahead of time.

+ He needed to finish the project by Friday; otherwise, he would face penalties.

**4. Cách viết lại câu với các liên từ**

**⮚ Both ... and:** Tìm điểm khác nhau giữa hai câu, vế câu và sắp xếp lần lượt điểm khác nhau vào both...and. Viết lại phần giống nhau sao cho đúng cấu trúc và thì.

 **Ví dụ:**

I like classical music. Tom also likes classical music.

Khác giống khác giống

*(Tôi thích nhạc cổ điển. Cô ấy cũng thích nhạc cổ điển.)*

🡪 Both I and Tom like classical music.

**⮚ Either ... or/Neither ... nor:** Tìmđiểm khác nhau và sắp xếp lần lượt vào 2 cấu trúc. Lưu ý rằng **either ... or** đi với câu phủ định còn **neither ... nor** đi với câu khẳng định.

 **Ví dụ:**

 He didn’t text me and he didn’t phone me yesterday.

khác khác

*(Anh ấy không nhắn tin hay gọi cho tôi vào hôm qua.)*

🡪 He didn’t either text or phone me yesterday.

🡪 He neither texted nor phoned me yesterday.

**⮚ Although/Even though/Though + S + V, S + V: Mặc dù**

**= In spite of/Despite + N/V-ing**

• Nếu hai mệnh đề đồng chủ ngữ ta dùng V-ing sau **In spite of/Despite**

• Neu hai mệnh đề khác chủ ngữ, ta cần biến mệnh đề thành danh từ, cụm danh từ đồng nghĩa

**Ví dụ:**

Although he won the race, he didn’t receive any medals. *(Đồng chủ ngữ he)*

🡪 Despite winning the race, he didn’t receive any medals.

Though her story was very interesting, everyone was so sleepy. *(Khác chủ ngữ)*

🡪 In spite of her interesting story, everyone was so sleepy.

**⮚ Because/As/Since + S + V, S + V: Bởi vì**

**= Because of/Due to/Owing to 4- N/V-ing**

Áp dụng tương tự như trường hợp của **although/even though/though** bên trên.

**Ví dụ:**

She didn’t go to work yesterday because she was sick. *(Đồng chủ ngữ.)*

**🡪**  She didn’t go to work yesterday because of being sick.

Because the weather was bad, we canceled the picnic. *(Khác chủ ngữ)*

🡪 Because of the bad weather, we canceled the picnic.

**BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

**Exercise 1.** **Circle the best correct answer (A, B, C or D) for each of following questions.**

**Tra ID Đề [5254] - Tra ID Video [5255]**

**Question 1** [573580]: English is not only spoken in the United States \_\_\_\_\_ it is also the primary language of business and diplomacy.

A. but B. and C. so D. because

**Question 2** [573581]: Deforestation continues to be a major issue \_\_\_\_\_ it leads to loss of biodiversity.

A. although B. due to C. however D. because

**Question 3** [573582]: Some people really enjoy mountain climbing; \_\_\_\_\_, others are afraid of height.

A. while B. but C. however D. in spite of

**Question 4** [573583]: My family really loves Vietnamese food, \_\_\_\_\_ we order it twice a week.

A. or B. so C. but D. nor

**Question 5** [573584]: She really wanted to apply for the manager position \_\_\_\_\_ she lacked the required experience.

A. so B. but C. and D. or

**Question 6** [573585]: \_\_\_\_\_ extremely bad weather in the mountains, we're no longer considering our skiing trip.

A. Due to B. Because C. Since D. Although

**Question 7** [573586]: The store will remain open \_\_\_\_\_ midnight for the holiday sale.

A. before B. until C. despite D. so

**Question 8** [573587]: \_\_\_\_\_ I enjoy baking desserts, I rarely have time to do it during the week.

A. While B. Despite C. Because D. Although

**Question 9** [573588]: After his grandfather passed away, he rarely smile \_\_\_\_\_ laugh.

A. but B. for C. or D. and

**Question 10** [573589]: \_\_\_\_\_ many local artisans use traditional techniques, others incorporate modern methods.

A. Although B. Since C. Because D. While

**Question 11** [573590]: I will ask Rachel to run the office while I'm gone \_\_\_\_\_ you come back.

A. unless B. since C. although D. therefore

**Question 12** [573591]: \_\_\_\_\_ public transportation systems in cities have improved, their congestion remains a significant issue.

A. When B. Even though C. Since D. Due to

**Question 13** [573592]: We have invited Mrs. Hoa, \_\_\_\_\_ she may decide what to come.

A. so B. but C. therefore D. moreover

**Question 14** [573593]: I will wait for Lan here \_\_\_\_\_ it stops raining.

A. for B. since C. by D. until

**Question 15** [573594]: \_\_\_\_\_ cities are crowded, many people prefer to live there because they can approach convenient public amenities.

A. Because B. Only if C. Even if D. Unless

**Question** 16 [573595]: He managed to finish the marathon \_\_\_\_\_ having twisted his ankle halfway through the race.

A. despite B. although C. in spite D. though

**Question 17** [573596]: Tom wanted to go to the beach \_\_\_\_\_ his friends preferred to stay home watch movies.

A. and/and B. but/and C. so/but D. because/but

**Question 18** [573597]: She turned off the lights \_\_\_\_\_ she could save electricity.

A. in order to B. in addition C. so that D. as long as

**Question 19** [573598]: They planned to travel next week; \_\_\_\_\_, they might have to postpone their trip.

A. therefore B. as a result C. however D. as soon as

**Question 20** [573599]: We couldn’t play soccer outside in this weather condition. \_\_\_\_\_, we can play board games inside.

A. Instead B. Unless C. In case D. Only if

**Question 21** [573600]: Televisions \_\_\_\_\_ computers are dominating our daily life.

A. or B. and C. nor D. for

**Question 22** [573601]: Sarah can join us for the trip \_\_\_\_\_ she finishes her presentation on time.

A. because B. even if C. as long as D. therefore

**Question 23** [573602]: The new restaurant serves \_\_\_\_\_ traditional Italian pasta dishes \_\_\_\_\_ hamburgers.

A. both/and B. either/or C. neither/nor D. both/or

**Question** 24 [573603]: \_\_\_\_\_ beautiful tourist attractions, Paris is famous for its food culture.

A. Because of B. In spite of C. In case of D. Besides

**Question 25** [573604]: Louis often takes the plane to Europe on his business \_\_\_\_\_ hating flying.

A. because B. in spite of C. although D. because of

**Question 26** [573605]: It was raining outside, and Tom brought his raincoat with him \_\_\_\_\_ he wouldn’t get wet.

A. in case B. so that C. therefore D. but

**Question 27** [573606]: \_\_\_\_\_ the storm had passed, they went outside to assess the damage.

A. After B. If C. Though D. Until

**Question 28** [573607]: Please fasten your seatbelt \_\_\_\_\_ you drive!

A. when B. after C. as soon as D. as long as

**Question 29** [573608]: The weather was forecasted to be rainy all day; \_\_\_\_\_, we decided to cancel the outdoor event.

A. so B. however C. therefore D. although

**Question 30** [573609]: I have two beautiful dresses. I should choose \_\_\_\_\_ the red dress \_\_\_\_\_ the blue one for the party.

A. neither/nor B. both/and C. either/or D. neither/or

**Question 31** [573610]: \_\_\_\_\_ the loud noise outside, she managed to concentrate on her work.

A. Despite B. Despite of C. In spite D. Although

**Question 32** [573611]: \_\_\_\_\_ his fear of water, he couldn't enjoy surfing on the most beautiful beach on this vacation.

A. Because B. Due to C. Since D. In spite of

**Question 33** [573612]: She has written the phone number down for you, \_\_\_\_\_ you forget the password.

A. so as to B. therefore C. in case D. in order that

**Question 34** [573613]: Michael prepared so hard for the interview; \_\_\_\_\_, he didn’t pass.

A. but B. therefore C. so D. however

**Question 35** [573614]: I didn't understand the instructions \_\_\_\_\_ she explained them again.

A. before B. until C. although D. however

**Question 36** [573615]: She doesn’t mind working overtime \_\_\_\_\_ she’s paid for it.

A. as long as B. as soon as C. as a result D. as well as

**Question 37** [573616]: \_\_\_\_\_ Taylor became famous, she shouldn’t ignore her old friends.

A. If B. Even if C. Even though D. Due to

**Question 38** [573617]: I am watching TV, \_\_\_\_\_ my sister is playing in the garden and my mom is cooking dinner.

A. when B. while C. before D. until

**Question 39** [573618]: He could find \_\_\_\_ his glasses \_\_\_\_ his car keys. What a terrible holiday!

A. either/or B. neither/nor C. both/and D. not only/but also

**Question 40** [573619]: It rained yesterday \_\_\_\_ the weather forecast had predicted there would be sunny weather.

A. however B. even though C. in spite of D. because

**Exercise 2.** **Rewrite the following sentences in such a way that have the same meaning as the given ones with the words in the brackets.**

**Tra ID Đề [5256] - Tra ID Video [5257]**

**Question 1** [573620]: In spite of taking a taxi, he still arrived late for the concert. **(ALTHOUGH)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 2** [573621]: Long forgot to bring the raincoat, so he got wet. **(BECAUSE)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 3** [573622]: Laura doesn’t like orange juice. She also doesn’t like lemonade. **(NEITHER)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 4** [573623]: Don’t eat too much sugar. Otherwise, you will become obese. **(UNLESS)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question** **5** [573624]: The children were very tired, but they tried to finish the homework. **(THOUGH)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 6** [573625]: He gained weight because he ate a lot of fast food. **(BECAUSE OF)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 7** [573626]: Jake on a vacation and so does Jordan. **(BOTH)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 8** [573627]: Although she is not good at English, she still tries to talk with native speakers. **(DESPITE)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 9** [573628]: The roads are slippery. We should drive carefully. **(BECAUSE OF)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 10** [573629]: Mr. Smith first met his wife during his stay in New York. **(WHILE)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 11** [573630]: His leg was broken. He still tried to go to school. **(IN SPITE OF)**

**Question 12** [573631]: Anna was late for the interview. Her car broke down on the way. **(BECAUSE)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 13** [573632]: Because Tom didn’t prepare for the exam, he failed it. **(BECAUSE OF)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 14** [573633]: Peter will buy 2 kilos of rice. He will also buy 5 kilos of sugar. **(NOT** **ONLY)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 15** [573634]: They didn’t remember to bring the passport. They also forgot to bring the suitcases. **(EITHER)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 16** [573635]: Despite not being famous as a singer, he succeeded in being an actor. **(EVEN THOUGH)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 17** [573636]: She is poor but everyone in the class respects her for her effort. **(DESPITE)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 18** [573637]: Because of being lazy, I missed an important deadline. **(BECAUSE)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 19** [573638]: My husband neither washed the dishes nor cleaned the room. **(EITHER)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 20** [573639]: The substance is very toxic. Protective clothing must be worn at all times. **(AS)**

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên đề XVIII** | **DANH ĐỘNG TỪ VÀ** **ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU****GERUND AND TO - INFINITIVE** |

**LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM**

**I. DANH ĐỘNG TỪ (V-ING)**

Danh động từ có dạng V-ing, có cấu trúc là động từ nhưng lại có chức năng như danh từ.

**1. Làm chủ ngữ**

Khi danh động từ làm chủ ngữ, ta coi đó là một chủ ngữ số ít

**Ví dụ:**

Doing arts and crafts requires a lot of skills. *(Làm đồ thủ công mỹ nghệ đòi hỏi rất nhiều kĩ năng.)*

**2. Làm tân ngữ**

**Ví dụ:**

The man denied stealing my purse. *(Người đàn ông đã phủ nhận ăn trộm ví của tôi.)*

Bảng dưới đây liệt kê một số từ đi theo sau bởi một danh động từ làm tân ngữ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cấu trúc** | **Nghĩa** |
| 1 | admit + V-ing | thừa nhận |
| 2 | avoid + V-ing | tránh |
| 3 | consider + V-ing | cân nhắc |
| 4 | delay + V-ing | trì hoãn |
| 5 | deny + V-ing | phủ nhận |
| 6 | enjoy + V-ing | thích |
| 7 | fancy + V-ing | yêu thích |
| 8 | finish + V-ing | kết thúc |
| 9 | practice + V-ing | luyện tập |
| 10 | suggest + V-ing | gợi ý |

**3. Trong các cấu trúc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cấu trúc** | **Nghĩa** |
| 1 | be busy + V-ing | bận làm gì |
| 2 | be keen on + V-ing= be fond of + V-ing = be interested in + V-ing | yêu thích cái gì |
| 3 | be/get used to +V-ing | trở nên quen với làm gì |
| 4 | do/would you mind + V-ing | bạn có phiền làm gì |
| 5 | have difficulty in + V-ing | có khó khăn làm gì |
| 6 | look foward to + V-ing | mong đợi điều gì |
| 7 | prefer V-ing to V-ing | thích cái gì hơn cái gì |

**II. ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU CÓ TO (TO-V)**

**1. Làm chủ ngữ**

 **Ví dụ:**

 To study this programm takes a lot of time. *(Theo học chương trình này ton rất nhiều thời gian.)*

**2. Làm tân ngữ**

 **Ví dụ:**

 I would like to drink a cup of tea. *(Tôi muốn uổng một coc trà.)*

Động từ nguyên thể làm tân ngữ đằng sau các động từ sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cấu trúc** | **Nghĩa** |
| 1 | afford + to V | có khả năng chi trả |
| 2 | agree + to V | đồng ý |
| 3 | ask + to V | yêu cầu |
| 4 | decide + to V | quyết định |
| 5 | expect + to V | mong đợi |
| 6 | hope + to V | hi vọng |
| 7 | learn + to V | học |
| 8 | manage + to V | xoay sở |
| 9 | offer + to V | đưa ra |
| 10 | plan + to V | lên kế hoạch |
| 11 | promise + to V | hứa |
| 12 | want + to V | muốn |
| 13 | wish + to V | ước |

**3. Dùng diễn tả cảm xúc dùng sau một số tính từ**

 **Ví dụ:**

 Nice to meet you here. *(Rất vui khi gặp bạn ở đây.)*

 I’m ready to see him again. *(Tôi đã sẵn sàng gặp lại anh ta.)*

**4. Làm bổ ngữ cho tân ngữ, đứng sau cấu trúc động từ + tân ngữ**

 **Ví dụ:**

The doctor advised her to stay in bed so she can take a rest. *(Bác sĩ khuyên cô ấy nằm trên giường để cô ấy có thể nghỉ ngơi.)*

Dưới đây là một số cấu trúc dùng to - infinitive như một bổ ngữ cho tân ngữ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cấu trúc** | **Nghĩa** |
| 1 | advise sb to V | khuyên ai làm gì |
| 2 | allow sb to V | cho phép ai làm gì |
| 3 | ask sb to V | yêu cầu ai làm gì |
| 4 | enable sb/sth to V | cho ai/cái gì có khả năng làm gì |
| 5 | encourage sb to V | khuyến khích ai làm gì |
| 6 | expect sb to V | mong đợi ai làm gì |
| 7 | force sb to V | ép buộc, cưỡng ép ai làm gì |
| 8 | invite sb to V | mời ai làm gì |
| 9 | promise sb to V | hứa với ai làm gì |
| 10 | remind sb to V | nhắc nhở ai làm gì |
| 11 | want sb to V | muốn ai làm gì |
| 12 | warn sb (not) to V | cảnh báo ai (không) làm gì |

III. ĐỘNG TÙ’ NGUYÊN MẪU KHÔNG TO

**1. Sau các động từ let, make, help, see, hear, watch + tân ngữ.**

 **Ví dụ:**

 Let me open the door for you. *(Để tôi mở cửa cho bạn.)*

Technology helps our life become more convenient. *(Công nghệ giúp cuộc sống của chúng ta thuận tiện hơn.)*

**2. Sau động từ khuyết thiếu**

 **Ví dụ:**

 You have to obey traffic rules. *(Bạn phải tuân theo luật lệ giao thông.)*

**IV. NHỮNG ĐỘNG TỪ ĐI VỚI CẢ DANH ĐỘNG TỪ VÀ ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU**

**1. Remember + to V / V**

remember + to V: nhớ phải làm gì remember

remember + V-ing: nhớ đã làm gì

**Ví dụ:**

+ She remembers to lock the door before going to sleep. *(Cô ấy nhớ phải khóa cửa trước khi đi ngủ. - chưa khóa nhưng nhớ phải khóa.)*

+ She remembers locking the door before going to work. *(Cô ấy nhớ đã khóa cửa trước khỉ đi làm. - đã khóa rồi và nhớ đã làm điều đó.)*

**2. forget + to V/V**

forget + to V: quên phải làm gì

forget V + V-ing: quên đã làm gì

**Ví dụ:**

+ Helena forgot to fix the microphone for the meeting. *(Helena đã quên phải sửa mi-crô cho cuộc họp.)*

+ I forgot sending the postcard today. *(Tôi quên việc gửi bưu thiếp ngày hôm nay.)*

**3. regret + to V/ V**

regret + to V: tiếc phải làm gì

regret + V-ing: hôi tiêc đã làm gì

**Ví dụ:**

+ I regret to inform you that you are not chosen. *(Tôi tiếc phải thông báo rằng bạn không được chọn.)*

+ Joan regrets not saying the farewell to her friend. *(Joan hối tiếc đã không nói lời tạm biệt với bạn của cô ấy.)*

**4. try + to V/ V**

try + to V: cố gắng làm gì

try + V-ing: thử làm gì

**Ví dụ:**

+ Andrew tries to finish the project as soon as possible. *(Andrew cố gắng hoàn thành dự án càng sớm càng tốt.)*

+ She tries planting a tree. *(Cô ấy thử trồng một cái cây.)*

**5. try + to V/V**

stop + to V: dùng lại để làm gì

stop + V-ing: dừng lại (việc đang làm)

**Ví dụ:**

+ He stopped smoking three years ago. *(Anh ta dừng hút thuốc ba năm trước.)*

+ Pam stops to drink some water before going on. *(Pam dừng lại để uống nước trước khi đi tiếp.)*

**6. see/hear + sb + V/V-ing**

see/hear + sb + V: nhìn/nghe hết sự việc gì

see/hear + sb+ V-ing: nhìn/nghe ai đang làm gì

**Ví dụ:**

+ We saw her fall off the ladder. *(Chúng tôi đã nhìn thấy cô ấy rơi khỏi chiếc thang.)*

+ I heard him talking to somebody on the phone. *(Tôi đã nghe anh ta đang nói chuyện điện thoại với ai đó.)*

**BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

**Exercise 1.** **Fill in the blank with the suitable form of the words: gerund or infinitive.**

**Tra ID Đề [5259] - Tra ID Video [5260]**

**Question 1** [573640]: She regrets \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (not study) harder for the final exam last semester.

**Question 2** [573641]: The company is looking forward to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (recruit) potential candidates.

**Question 3** [573642]: It’s necessary \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (review) your notes before a test.

**Question 4** [573643]: Our team managed \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (complete) the marathon despite the challenging weather conditions.

**Question 5** [573644]: He’s eager \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (learn) new skills to advance in his career.

**Question 6** [573645]: I avoided \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (speak) loudly when I was in the hospital.

**Question** 7 [573646]: Layla enjoys \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (paint) landscapes in her free time.

**Question 8** [573647]: We can’t afford \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (buy) a new car right now.

**Question 9** [573648]: Andrew suggested \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (take) a different route to avoid the heavy traffic.

**Question 10** [573649]: I prefer \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (stay) home tonight to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (go) out.

**Question 11** [573650]: She is interested in \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (learn) more about digital marketing.

**Question 12** [573651]: They’re hoping \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (find) a solution to the problem soon.

**Question 13** [573652]: He promised \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (return) the book by the end of the week.

**Question 14** [573653]: I can’t help \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (feel) worried before giving a speech.

**Question 15** [573654]: My parents are not used \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (work) late into the night.

**Question 16** [573655]: Franky managed \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (get) all the tickets before they sold out.

**Question 17** [573656]: We saw them \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (watch) TV together last night.

**Question 18** [573657]: He stops \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (walk) to tie the shoes.

**Question 19** [573658]: Jennie agreed \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (help) us with the fundraising event next month.

**Question 20** [573659]: We don’t allow \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (smoke) here.

Exercise 2. Choose the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

**Tra ID Đề [5261] - Tra ID Video [5262]**

**Question 1** [573660]: Peter couldn’t stand \_\_\_\_\_\_ at home so she went to the local park.

A. stay B. to stay C. stayed D. staying

**Question** **2** [573661]: Her parents let her \_\_\_\_\_\_ which college to attend, trusting her judgment.

A. choosing B. choose C. to choose D. chose

**Question 3** [573662]: After much consideration, Liam and Mia decided \_\_\_\_\_\_ to a new city for better job opportunities.

A. move B. to move C. moving D. moves

**Question 4** [573663]: They apologized to the guests \_\_\_\_\_\_ the dinner.

A. to delay B. for delaying C. delaying D. delay

**Question** **5** [573664]: I regret \_\_\_\_\_\_ the opportunity to travel abroad when I had the chance

A. not to take B. to take C. taking D. not taking

**Question 6** [573665]: Do you mind \_\_\_\_\_\_ me with this project?

A. help B. to help C. helping D. helped

**Question 7** [573666]: Despite the tight deadline, the team managed \_\_\_\_\_\_ the project or time and to a high standard.

A. complete B. completing C. to complete D. to completing

**Question 8** [573667]: I remember \_\_\_\_\_\_ that beautiful island during my summer vacation last year.

A. to visit B. visiting C. visit D. visits

**Question 9** [573668]: Can you teach me how \_\_\_\_\_\_ that song on the guitar?

A. play B. playing C. to play D. player

**Question 10** [573669]: Before the storm hit, the weather forecaster warned resident: \_\_\_\_\_\_ outside unless absolutely necessary.

A. to go B. going C. not to go D. not going

**Question 11** [573670]: They are looking forward \_\_\_\_\_\_ to Japan and experiencing its culture.

A. to travel B. traveling C. to traveling D. travel

**Question 12** [573671]: The company allows employees \_\_\_\_\_\_ from home one day a week.

A. work B. working C. to work D. to working

**Question 13** [573672]: I suggest \_\_\_\_\_\_ a break and going for a walk to clear your mind.

A. takes B. to take C. that taking D. taking

**Question 14** [573673]: The garden needs \_\_\_\_\_\_ every evening to keep the plants healthy.

A. waters B. watering C. to water D. to be water

**Question 15** [573674]: My apartment is quite easy \_\_\_\_\_\_.

A. for find B. to find C. finding D. find

**Question 16** [573675]: Parents often encourage their children \_\_\_\_\_\_ different hobbies and discover what they truly enjoy.

A. to explore B. exploring C. to exploring D. explore

**Question 17** [573676]: Can you help me \_\_\_\_\_\_ this report before the deadline?

A. finishing B. to finishing C. finishes D. finish

**Question 18** [573677]: They couldn’t afford \_\_\_\_\_\_ the house they wanted, so they decided renting for another year.

A. to buy/continuing B. buying/continuing

C. to buy/ to continue D. buying/to continue

**Question 19** [573678]: During their road trip, they stopped \_\_\_\_\_\_ photos of the breathtaking landscape.

A. take B. to take C. taking D. to taking

**Question 20** [573679]: She tries to avoid \_\_\_\_\_\_ too much sugar to maintain a healthy diet.

A. consuming B. consume C. to consume D. consumer

**Question 21** [573680]: She \_\_\_\_\_\_ waiting in long lines at the grocery store.

A. expect B. want C. detest D. manage

**Question 22** [573681]: Don’t forget \_\_\_\_\_\_ off the lights before you leave the house.

A. turning B. to turn C. turn D. turns

**Question 23** [573682]: I could hear the teacher \_\_\_\_\_\_ the solution clearly to the students from the back of the classroom.

A. explaining B. explains C. to explain D. explanation

**Question 24** [573683]: Please remind me \_\_\_\_\_\_ the email before the end of the day.

A. sending B. send C. to send D. to sending

**Question 25** [573684]: The coach let the players \_\_\_\_\_\_ the strategy for the final game.

A. to decide B. decided C. deciding D. decides

**Question 26** [573685]: I recommend \_\_\_\_\_\_ the new restaurant downtown; the reviews have been excellent.

A. try B. to try C. trying D. to trying

**Question 27** [573686]: She’s been busy \_\_\_\_\_\_ for the upcoming exam.

A. preparing B. prepare C. preparation D. to prepare

**Question 28** [573687]: The team had difficulty in \_\_\_\_\_\_ their schedules for the project.

A. arrange B. arranging C. to arrange D. arranged

**Question 29** [573688]: He admitted \_\_\_\_\_\_ a mistake in the report and promised \_\_\_\_\_\_ it immediately.

A. making/correcting B. to make/correcting

C. making/to correct D. to make/to correct

**Question 30** [573689]: She’s very fond of \_\_\_\_\_\_ cookies and often tries with new recipes.

A. to bake B. bake C. baked D. baking

**Question** **31** [573690]: He always tries to remember \_\_\_\_\_\_ his reusable bags when he goes shopping.

A. to bring B. bringing C. bring D. brought

**Question 32** [573691]: It is important for parents \_\_\_\_\_\_ with their children about career.

A. communicate B. communicates C. to communicate D. communicating

**Question 33** [573692]: The manager asked the team \_\_\_\_\_\_ in their project updates by Friday.

A. to hand B. handing C. hand D. having handed

**Question 34** [573693]: Despite the challenges, she kept \_\_\_\_\_\_ the midnight oil to prepare for her exams.

A. to burn B. burning C. burns D. burn

**Question 35** [573694]: They attempted \_\_\_\_\_\_ the broken computer on their own.

A. fixing B. fix C. to fix D. having fixed

**Question 36** [573695]: He can’t help \_\_\_\_\_\_ whenever he watches his favorite comedy show.

A. to laugh B. laughing C. laugh D. laughs

**Question 37** [573696]: Make sure \_\_\_\_\_\_ mewhen you arrive at the airport.

A. calling B. to call C. call D. called

**Question 38** [573697]: Alex stopped \_\_\_\_\_\_ last year and feels much healthier now.

A. smoking B. to smoke C. smoke D. having smoked

Question **39** [573698]: She showed me how \_\_\_\_\_\_ the new software effectively.

A. to use B. using C. can you use D. use

**Question 40** [573699]: He’s keen on \_\_\_\_\_\_ in local community events.

A. participate B. to participate C. participant D. participating

**Question 41** [573700]: The doctor advised him \_\_\_\_\_\_ a rest and drink water to recover from the flu.

A. taking B. to take C. taken D. take

**Question 42** [573701]: The sad news made her \_\_\_\_\_\_ with both sadness and anger.

A. crying B. to cry C. cry D. cries

**Question 43** [573702]: The company hopes \_\_\_\_\_\_ the new product line by the end of this year.

A. to launch B. launching C. launch D. to launching

**Question 44** [573703]: He looks forward \_\_\_\_\_\_ his new job and meeting his new colleagues.

A. starting B. to start C. to starting D. start

**Question 45** [573704]: Mrs. White denied\_\_\_\_\_\_ the email about the meeting, despite it being sent to her inbox.

A. to receive B. receive C. receiving D. received

**Question 46** [573705]: I saw her \_\_\_\_\_\_ the office yesterday afternoon. She closed the door quite hard.

A. leaving B. to leave C. leave D. to leaving

**Question 47** [573706]: She remembers \_\_\_\_\_\_ him about the surprise party but he didn’t come.

A. tell B. to tell C. telling D. tells

**Question 48** [573707]: They need\_\_\_\_\_\_ their vacation well in advance.

A. to plan B. plan C. planning D. plans

**Question 49** [573708]: Peter decided \_\_\_\_\_\_ abroad for a semester to gain international experience.

A. studying B. study C. to study D. to studying

**Question 50** [573709]: Jasmine is expected \_\_\_\_\_\_ a pianist in the future.

A. being B. be C. is D. to be

**Exercise 3. Fill in the blank with a suitable gerund or infinitive.**

**Tra ID Đề [5263] - Tra ID Video [5264]**

**SEVEN WAYS TO SAVE WATER**

• Remember (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (turn) off the tap. Don't leave the water running when you're not using it, for example when you're brushing your teeth.

• Avoid (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (play) with water. It's fun but it wastes a lot of water.

• Take a shower instead of a bath. But try (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (not spend) more than five minutes in the shower!

• Water plants carefully. Don't water them when the sun is strong. We suggest (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (water) them in the morning or evening'.

• Don't waste food. If you make a meal, remind yourself (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (not make too much and plan what (6) (cook).

• Don't waste products. Reduce the number of plastic bags you get.

• Don't waste energy. For example, don’t forget (7) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (turn) off lights when you leave a room.

• What other ways can you consider (8) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (develop)?

**Topic 9**

COLLOCATIONS

**LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cấu trúc** | **Nghĩa** |
| 1 | A load of sthA series of sthA set of sthA string of | NhiềuMột loạtMột bộMột chuỗi tiếp nối |
| 2 | Ahead of | Trước thời hạn |
| 3 | All long | Bấy lâu nay |
| 4 | All in all | Nhìn chung |
| 5 | At work | Ở chỗ làm |
| 6 | At first | Ban đầu |
| 7 | Award sb sth | Thưởng ai cái gì |
| 8 | Be aware ofRaise sb’s awareness of/about sth | Có ý thức vềNâng cao ý thức về |
| 9 | Be in a good/bad mood | Trong tâm trạng tốt/xấu |
| 10 | Be made fromBe made of | Được làm từ (có biến đổi)Được làm bằng (giữ nguyên) |
| 11 | Be responsible for= take/have responsibility for | Có trách nhiệm |
| 12 | Be willing to | Sẵn long |
| 13 | Break a bad habit | Từ bỏ một thói quen xấu |
| 14 | Break the rules>< follow the rules | Phá luật>< tuân thủ luật |
| 15 | Burn the midnight oil | Thâu đêm làm việc, học tập |
| 16 | Consist of= comprise | Bao gồm |
| 17 | Couch potato | Người ì ạch, hay ngồi/nằm một chỗ |
| 18 | Culture shock | Cú sốc văn hóa |
| 19 | Change sb’s mind | Thay đổi ý kiến |
| 20 | Dispose of | Vứt bỏ |
| 21 | Do harm | Làm hại |
| 22 | Earn a living | Kiếm sống |
| 23 | Economic growth | Sự tang trưởng kinh tế |
| 24 | Ethnic minority | Dân tộc thiểu số |
| 25 | Face to face | Đối mặt |
| 26 | Fill sth to the brim | Đổ đầy ắp |
| 27 | First aid | Sơ cứu |
| 28 | Flora and fauna | Thảm động thực vật |
| 29 | Flow into | Chảy vào |
| 30 | Foot of mountain | Chân núi |
| 31 | Free of charge | Miễn phí |
| 32 | Get a buzz out of sth | Có cảm giac hào hứng, phấn chấn |
| 33 | Get in touch withKeep in touch withLose touch with | Liên lạc vớiGiữ liên lạc vớiMất liên lạc với |
| 34 | Get into trouble | Vướng vào rắc rối |
| 35 | Get married toMarry to sb | Kết hôn vớiCưới ai |
| 36 | Get rid of sth | Từ bỏ/ thoát khỏi |
| 37 | Get/catch a cold | Bị cảm lạnh |
| 38 | Go for a walk | Đi dạo |
| 39 | Go on a vacationGo on business | Đi nghỉĐi công tác |
| 40 | Give advice>< take advice | Đưa ra lời khuyên>< nhận lời khuyên |
| 41 | Give it a shot/go | Thử làm gì |
| 42 | Give priority to sth | Ưu tiên cho |
| 43 | Give sb a hand (with sth) | Giữ đỡ ai làm gì |
| 44 | Hang out with | Đi chơi với |
| 45 | Have a discussion on sth | Bàn luận về |
| 46 | Have an impact on sth= have an influence on sth | Có tác động đếnCó ảnh hưởng đến |
| 47 | Have difficulty (in) doing sth | Gặp khó khăn khi |
| 48 | In the line of duty | Trong lúc thi hành nhiệm vụ |
| 49 | Immerse sth/sb in sth | Nhấn chìm ai/cái gì vào cái gì |
| 50 | In favor | ủng hộ |
| 51 | Learn by rote | Học thuộc long, học vẹt |
| 52 | Look on the bright side | Nhìn vào mặt tích cực |
| 53 | Make a bundleMake a fussMake a listMake an effort | Hái ra tiềnNổi điên/làm om sòmTạo một danh sáchNỗ lực |
| 54 | Make do withMake progressMake up sb’s mind | Dùng tạmTiến bộQuyết định |
| 55 | Make use of= take advantage of | Tận dụng |
| 56 | No longer | Không còn nữa |
| 57 | Off sick | Nghỉ ốm |
| 58 | Off the coast | Ngoài khơi, ngoài biển |
| 59 | On display | Đang trưng bày |
| 60 | On sb’s own | Tự người đó |
| 61 | On the verge of extinction | Trên bời vực tuyệt chủng |
| 62 | Out of breathOut of handOut of orderOut of fashionOut of workOut of sb’s mind | Hết hơiNgoài tầm tayKhông hoạt độngLỗi thờiThất nghiệpMất trí |
| 63 | Pay attention to | Chú ý đến |
| 64 | Put sb’s best foot towards  | Làm hết sức để gây ấn tượng |
| 65 | Put up a tent | Dựng lều |
| 66 | Put up with | Chịu đựng |
| 67 | Rack sb’s brain | Vắt óc suy nghĩ |
| 68 | Run out of sth | Hết |
| 69 | sense of humor sense of style | *khiếu hài hước khiếu* *thẩm mỹ* |
| 70 | set an example (for sb) | *làm gương cho ai* |
| 71 | take a break | *nghỉ* |
| 72 | take sth into account | *suy xét đến, lưu tâm đến* |
| 73 | take sth on board | *hiểu, chấp nhận điều gì* |
| 74 | take your time | *cứ từ từ* |
| 75 | think outside of the box | *tư duy đột phá* |
| 76 | try sb’s best | *cố gắng hết sức* |
| 77 | under control under pressure | *dưới sự kiểm soát* *chịu áp lực* |
| 78 | unspoken rule | *luật bất thành vãn* |
| 79 | ups and downs | *thăng trầm* |
| 80 | window shopping | *lượn lờ mua sắm* |
| 81 | with a view to + V-ing | *để* |
| 82 | work from home | *làm việc ở nhà* |

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Exercise 1. Circle the best correct answer (A, B, C or D) for each of following questions.

**Tra ID Đề [5266] - Tra ID Video [5267]**

**Question 1** [574334]: When you have a lot of work to do, you might need to \_\_\_\_\_\_ to finish everything on time.

A. watch TV B. burn the midnight oil

C. take a nap D. eat the book

**Question 2** [574335]: It's important to \_\_\_\_\_\_ to the instructions when you’re learning a new skill.

A. ignore B. pay attention C. forget D. listen for

**Question 3** [574336]: The elevator is not working today. It has a sign that says it is \_\_\_\_\_\_.

A. a work of art B. on sale C. in use D. out of order

**Question 4** [574337]: When you \_\_\_\_\_\_, you memorize information by repeating it over and over.

A. learn by rote B. learn by heart C. discuss in detail D. understand concepts

**Question 5** [574338]: When Jane was \_\_\_\_\_\_, she didn’t want to talk much and avoided socializing.

A. in a good mood B. in a bad mood C. very cheerful D. extremely positive

**Question 6** [574339]: When you’re \_\_\_\_\_\_, you might feel stressed and have trouble focusing.

A. on vacation B. under pressure C. in a good mood D. enjoying yourself

**Question 7** [574340]: After moving to a new city, Jane found it hard to keep up with her old friends and began to \_\_\_\_\_\_.

A. stay connected B. lose touch C. meet often D. feel excited

**Question 8** [574341]: If someone spends most of their time sitting on the sofa watching TV and not being active, they might be called a \_\_\_\_\_\_.

A. fitness enthusiast B. couch potato

C. social butterfly D. outdoor lover

**Question** **9** [574342]: If you want to clean your room, you need to \_\_\_\_\_\_ all the old clothes you don’t wear anymore.

A. put up with B. get rid of C. keep D. display

**Question 10** [574343]: When you are feeling down, a friend with a good \_\_\_\_\_\_ can help you feel better by making you laugh.

A. sense of direction B. sense of style

C. sense of taste D. sense of humor

**Question 11** [574344]: She’s been thinking about whether to take the job offer or not, but she still needs to \_\_\_\_\_\_.

A. make up her mind B. change her plans

C. find another job D. book a flight

**Question** **12** [574345]: She decided to \_\_\_\_\_\_ of her free time by volunteering at the local animal shelter.

A. waste up B. make use C. avoid D. aware of

**Question 13** [574346]: Even though she didn’t buy anything, she enjoyed \_\_\_\_\_\_ on Main Street and looking at all the new fashions.

A. returning items B. window shopping

C. online shopping D. making a list

**Question 14** [574347]: She tried to \_\_\_\_\_\_ for the solution to the math problem, but it was very challenging.

A. rack her brain B. skip the question

C. forget about it D. avoid thinking

**Question 15** [574348]: When the team was struggling with the project, she decided to \_\_\_\_\_\_ with some of the tasks.

A. give them a hand B. criticize them

C. leave them alone D. watch them tired

**Question 16** [574349]: Even if you’ve never tried painting before, you should \_\_\_\_\_\_ and see if you enjoy it.

A. refuse B. give it a go C. ignore D. forget about it

**Question 17** [574350]: To solve this puzzle, you need to \_\_\_\_\_\_ and come up with unconventional solutions.

A. think outside of the box B. repeat the same steps

C. stay within limits D. follow the traditional method

**Question 18** [574351]: The movie studio tried to \_\_\_\_\_\_ the upcoming film by creating exciting trailers and ads.

A. make a buzz out of B. take advantage of

C. run out of D. pay attention to

**Question 19** [574352]: When someone earns a lot of money from a business deal or investment, they might \_\_\_\_\_\_.

A. make a bundle B. spend a little C. lose money D. save up

**Question 20** [574353]: The basket was \_\_\_\_\_\_ with fresh fruits and vegetables from the market.

A. filled all way B. filled halfway C. filled to the brim D. put away

**Exercise 2.** **Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph/letter for the following questions.**

Tra ID Đề [5268] - Tra ID Video [5269]

a. Exploring new destinations can provide valuable cultural experiences and broaden one's knowledge.

b. Many destinations also offer activities that are suitable for diverse interests.

c. Tourism plays an important role in the local economy by creating jobs and generating profit.

d. To decrease these effects, it's important for travelers to practice sustainable tourism and respect local cultures.

e. However, tourism can also lead to negative impacts such as environmental degradation and over-tourism.

A. c-b-a-d-e B. c-a-b-e-d C. c-a-e-d-b D. a-b-c-e-d